BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM

Lớp : Công nghệ kỹ thuật xây dựng 2 - K13

Môn thi: **Anh văn cơ bản 2** Lần thi: 2 Giám thị 1: Quới Ký tên:

Học kỳ: 2 Năm học: 2011 - 2012 Ngày thi: 29/12 Giám thị 2: Nhung Ký tên: Nhung

Cán bộ giảng dạy: ______ Phòng thi: E/A110 Giám thị 3: ______ Ký tên:

Tổng số bài: 13+1 Số tờ: 13+1 Giám thị 4: ______ Ký tên:

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần Kiểm tra TS:	Thi TS:	Kết quả	Điểm chữ
1	1010060029	Đoàn Tấn	Vinh	26/07/1992					
2	1110060045	Nguyễn Hồng	Đức	16/11/1993					
3	1110060050	Hồ	Quí	08/01/1992	[signature]			2.5	Hai rưỡi
4	1110060054	Phan Thành	Tài	07/07/1992	[signature]			1.5	Một rưỡi
5	1110060055	Đặng Đức	Tài	06/08/1992	[signature]			2.5	Hai rưỡi
6	1110060057	Vũ	Thắng	20/11/1993	Thắng			2.0	Hai chẵn
7	1110060059	Trần Văn	Thành	11/05/1993	[signature]			6.5	Sáu rưỡi
8	1110060061	Nguyễn Chơn	Thiên	18/04/1990	[signature]			6.5	Sáu rưỡi
9	1110060064	Nguyễn Ngọc	Thiện	20/09/1992	[signature]			3.5	Ba rưỡi
10	1110060065	Nguyễn Trí	Thức	17/05/1993	Thức			4.5	Bốn rưỡi
11	1110060068	Trịnh Minh	Tiến	15/02/1993				/	
12	1110060069	Phạm Trung	Tín	09/03/1993	[signature]			2.0	Hai chẵn
13	1110060070	Nguyễn Văn	Tol	28/03/1993	[signature]			2.5	Hai rưỡi
14	1110060073	Kiều Hữu	Trí	16/02/1993	[signature]			2.5	Hai rưỡi
15	1110060074	Phạm Ngọc	Trí	21/01/1993				/	
16	1110060080	Huỳnh Thanh	Tùng	09/01/1991	[signature]			3.5	Ba rưỡi
17	1110060081	Võ Minh	Tùng	10/12/1993	[signature]			1.0	Một chẵn
18	1110060086	Trương Quốc	Vũ	28/09/1992	[signature]			1.5	Một rưỡi

Ngày . 6 . . tháng . 7 . . năm 2012